BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGUYỄN TẤT THÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG

Tên chương trình	**:Tiếng Hàn**
Trình độ đào tạo	**:Cao đẳng**
Ngành đào tạo	**:Tiếng Hàn**
Tên tiếng Anh	**:Korean**
Loại hình đào tạo	**:Chính quy – hệ tín chỉ**
Mã ngành	**:51220210**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 19/QĐĐT ngày…15…tháng..07..năm 20.13. của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Tiếng Hàn có phẩm chất đạo đức tốt, kỹ năng nghề nghiệp, nhân cách sư phạm, sức khỏe tốt, có tri thức về văn hóa Hàn Quốc, có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Hàn Quốc, có những hiểu biết về lịch sử, kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội Hàn Quốc. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Hàn Quốc, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế nước nhà trong quá trình hội nhập.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Chuẩn kiến thức

Bảo đảm cho sinh viên sử dụng thành thạo tiếng Hàn Quốc với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Có trình độ nghiệp vụ đủ để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh, đặc biệt là nắm vững kiến thức cơ sở lý luận và khả năng thực hành biên phiên dịch trong tình huống giao tiếp.

1.2.2. Chuẩn kỹ năng

Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tự thực hành nhằm tiếp tục nâng cao kiến thức, năng lực thực hành ngôn ngữ, năng lực hợp tác, kỹ năng thuyết trình và khả năng quản lý.

1.2.3. Tác phong, thái độ nghề nghiệp

Sinh viên có ý thức rèn luyện phẩm chất chính trị của một cử nhân ngành Tiếng Hàn.

Sinh viên hiểu biết về những thói quen công sở của người Hàn Quốc đủ để có thái độ làm việc phù hợp trong môi trường công sở Hàn Quốc.

1.2.4. Cơ hội nghề nghiệp và học tập sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các cơ quan văn hóa, giáo dục, du lịch, công ty liên doanh nước ngoài hay trong các công ty Hàn Quốc, hoặc làm công tác nghiên cứu và giảng dạy ở các trường, trung tâm khoa học.

Sinh viên có thể học liên thông lên hệ đại học tại các trường Đại học của Hàn Quốc và đại học của Việt Nam có liên kết với trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2.5 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC: 115 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 34 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận chính trị

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	001231	NLCB của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	75		
2	000565	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45		001840(a)
3	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		001231(a)
		Tổng	**10**	**150**		

7.1.2. Khoa học xã hội

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	000851	Kỹ năng giao tiếp	2	30		
5	001374	Quản trị học	2	30		
6	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30		
7	001731	Tiếng Việt thực hành	2	30		
8	001294	Pháp luật đại cương	2	30		

		Tổng	**10**	**150**		

7.1.3. Ngoại ngữ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	000047	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
10	000048	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	000047(a)
11	001795	TOEIC 1	3	30	30	000048(a)
12	001796	TOEIC 2	3	30	30	001795(b)
		Tổng	**12**	**120**	**120**	

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
13	001760	Tin học văn phòng – thực hành	2		60	
		Tổng	**2**		**60**	

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
14	000592	Giáo dục thể chất 1	1		30	
15	000593	Giáo dục thể chất 2	1		30	
16	000594	Giáo dục thể chất 3	1		30	
		Tổng	**3**		**90**	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	000585	Giáo dục quốc phòng	9	117	18	
		Tổng	**9**	**117**	**18**	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 81 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở: 15 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
18	001934	Xã hội học Hàn Quốc	2	30		
19	001935	Xã hội học đại cương	3	45		
20	000830	Kinh tế Hàn Quốc	2	30		
21	001853	Văn hóa Hàn Quốc	2	30		
22	032034	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	3	30	30	

23	001752	Tin học ứng dụng phần mềm tiếng Hàn	3	30	30	001760(a)
		Tổng	**15**	**195**	**60**	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 55 tín chỉ

7.2.2.1. *Kiến thức bắt buộc: 51 tín chỉ*

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
24	001168	Ngữ pháp tiếng Hàn 1	3	30	30	
25	001169	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	3	30	30	001168(a)
26	001170	Ngữ pháp tiếng Hàn 3	3	30	30	001169(a)
27	001171	Ngữ pháp tiếng Hàn 4	3	30	30	001170(a)
28	001172	Ngữ pháp tiếng Hàn 5	3	30	30	001171(a)
29	001173	Ngữ pháp tiếng Hàn 6	3	30	30	001172(a)
30	000516	Đọc tiếng Hàn 1	2	15	30	
31	000517	Đọc tiếng Hàn 2	2	15	30	000516(a)
32	000518	Đọc tiếng Hàn 3	2	15	30	000517(a)
33	001080	Nghe- nói tiếng Hàn 1	3	30	30	
34	001081	Nghe- nói tiếng Hàn 2	3	30	30	001080(a)
35	001082	Nghe- nói tiếng Hàn 3	3	30	30	001081(a)
36	001083	Nghe- nói tiếng Hàn 4	3	30	30	001082(a)
37	001172	Nghe- nói tiếng Hàn 5	3	30	30	001083(a)
38	001916	Viết tiếng Hàn 1	3	30	30	
39	001917	Viết tiếng Hàn 2	3	30	30	001916(a)
40	000080	Biên – Phiên dịch tiếng Hàn	3	30	30	
41	001150	Nghiệp vụ thư ký bằng tiếng Hàn	3	30	30	
		Tổng	**51**	**495**	**540**	

7.2.2.2. *Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ*

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
42	000688	Hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn 1	2	15	30	
43	000145	Hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn 2	2	15	30	
44	001132	Tiếng Hàn trong nghiệp vụ bất động sản	2	15	30	
45	001149	Tiếng Hàn trong nghiệp vụ Quản lý nhà hàng	2	15	30	

7.2.3. Thực tập cuối khóa và khóa luận tốt nghiệp: 11 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
46	001672	Thực tập cuối khoá cao đẳng – Tiếng Hàn	6		360	8-12 tuần
47	000761	Khoá luận tốt nghiệp cao đẳng – Tiếng Hàn	5			
		Tổng	**11**		**360**	

Ghi chú:

TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN)

Lưu ý: Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã môn học	Tên môn học	Mã học phần	TC	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện tiên quyết
Học kỳ 1							
Học phần bắt buộc				**17**	**210**	**90**	
1	000047	Anh văn giao tiếp 1	0201000047	3	30	30	
2	001080	Nghe - Nói tiếng Hàn 1	0201001080	3	30	30	
3	001168	Ngữ pháp tiếng Hàn 1	0201001168	3	30	30	
4	001231	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin	0201001231	5	75	0	
5	001935	Xã hội học đại cương	0201001935	3	45	0	
Học kỳ 2							
Học phần bắt buộc				**17**	**210**	**90**	
1	000048	Anh văn giao tiếp 2	0201000048	3	30	30	000047(a)
2	000275	Cơ sở văn hóa Việt Nam	0201000275	2	30	0	
3	000851	Kỹ năng giao tiếp	0201000851	2	30	0	
4	001081	Nghe - Nói tiếng Hàn 2	0201001081	3	30	30	001080(a)
5	001169	Ngữ pháp tiếng Hàn 2	0201001169	3	30	30	001168(a)
6	001731	Tiếng Việt thực hành	0201001731	2	30	0	
7	001840	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0201001840	2	30	0	001231(a)
Học kỳ 3							
Học phần bắt buộc				**18**	**180**	**180**	
1	001082	Nghe - Nói tiếng Hàn 3	0201001082	3	30	30	001081(a)
2	001170	Ngữ pháp tiếng Hàn 3	0201001170	3	30	30	001169(a)
3	001294	Pháp luật đại cương	0201001294	2	30	0	
4	001916	Viết tiếng Hàn 1	0201001916	3	30	30	
5	001760	Tin học văn phòng - Thực hành	0201001760	2	0	60	
6	001795	TOEIC 1	0201001795	3	30	30	000048(a)
7	001934	Xã hội học Hàn Quốc	0201001934	2	30	0	
Học kỳ 4							
Học phần bắt buộc				**17**	**180**	**150**	
1	000516	Đọc tiếng Hàn 1	0201000516	2	15	30	
2	000565	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0201000565	3	45	0	001840(a)
3	001083	Nghe - Nói tiếng Hàn 4	0201001083	3	30	30	001082(a)
4	001171	Ngữ pháp tiếng Hàn 4	0201001171	3	30	30	001170(a)
5	001796	TOEIC 2	0201001796	3	30	30	001795(b)
6	001917	Viết tiếng Hàn 2	0201001917	3	30	30	001916(a)
Học kỳ 5							
Học phần bắt buộc				**13**	**135**	**120**	
1	000517	Đọc tiếng Hàn 2	0201000517	2	15	30	000516(a)
2	001172	Ngữ pháp tiếng Hàn 5	0201001172	3	30	30	001171(a)
3	001084	Nghe - Nói tiếng Hàn 5	0201001084	3	30	30	001083(a)

4	000830	Kinh tế Hàn Quốc	0201000830	2	30	0	
5	032034	Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn	0201032034	3	30	30	
Học phần tự chọn				**2**	**15**	**30**	
1	000688	Hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn 1	0201000688	2	15	30	
2	001149	Tiếng Hàn trong nghiệp vụ quản lý nhà hàng	0201001149	2	15	30	
Học kỳ 6							
Học phần bắt buộc				**12**	**135**	**90**	
1	000518	Đọc tiếng Hàn 3	0201000518	2	15	30	000517(a)
2	001752	Tin học UD phần mềm tiếng Hàn	0201001752	3	30	30	001760(a)
3	001853	Văn hóa Hàn Quốc	0201001853	2	30	0	
4	001173	Ngữ pháp tiếng Hàn 6	0201001173	3	30	30	001172(a)
5	001374	Quản trị học	0201001374	2	30	0	
Học phần tự chọn				**2**	**15**	**30**	
1	001132	Tiếng Hàn trong nghiệp vụ bất động sản	0201001132	2	15	30	
2	000145	Hướng dẫn du lịch bằng tiếng Hàn 2	0201000145	2	15	30	
Học kỳ 7							
Học phần bắt buộc				**17**	**60**	**420**	
1	000080	Biên – Phiên dịch tiếng Hàn	0201000080	3	30	30	
2	000761	Khóa luận cuối khóa cao đẳng - Tiếng Hàn	0201000761	5	0	0	
3	001150	Nghiệp vụ thư ký bằng tiếng Hàn	0201001150	3	30	30	
4	001672	Thực tập cuối khóa cao đẳng - Tiếng Hàn	0201001672	6	0	360	

9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình được xây dựng trên cơ sở chương trình của các đại học ở Hàn Quốc với tiêu chí chất lượng cao. Chương trình đào tạo được biên soạn và tổ chức giảng dạy theo tiêu chí đáp ứng nhu cầu nhân lực của xã hội, không chỉ đào tạo những sinh viên biết sử dụng thông thạo ngôn ngữ tiếng Hàn Quốc mà ngành Hàn Quốc học còn nghiên cứu để đào tạo ra nguồn nhân lực người Việt Nam có chuyên môn và nói tiếng Hàn Quốc đáp ứng nhu cầu sử dụng nhân lực cho hơn 2.000 doanh nghiệp Hàn Quốc trên địa bàn khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, đồng bằng Nam Bộ, các tỉnh và thành phố trong cả nước. Ngoài ra, ngành Hàn Quốc học sẽ nghiên cứu một chương trình đào tạo tiếng Việt bám sát theo tình hình thực tế phục vụ cho sinh hoạt và những hoạt động kinh doanh tại Việt Nam để phục vụ và thu hút sinh viên và các đối tượng doanh nhân của các nước trong khu vực và thế giới đến học tập.

Quan tâm đặc biệt đến phương thức đào tạo, phương pháp dạy và học theo tiêu chí: hiện đại, tiện nghi, chất lượng.

Phương pháp đào tạo

Tăng cường phương pháp dạy học phát huy tính tự giác của sinh viên, tạo khả năng giao tiếp giữa thầy và trò, khả năng chủ động làm việc của sinh viên nhiều hơn.

Chú trọng đến bài giảng, bài tập và thực hành hợp lý theo đúng yêu cầu của môn học.

10. MÔ TẢ NỘI DUNG HỌC PHẦN

001231 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000565 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001840 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2(30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin).

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000851 Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Giới thiệu cho sinh viên các vấn đề khái quát trong giao tiếp, các kỹ năng giao tiếp bằng lời và không dùng lời, giao tiếp kinh doanh qua điện thoại, giao tiếp kinh doanh trực tiếp, quy trình giao tiếp, cách thức nghiên cứu để hình thành thông điệp, cách thức thông đạt, sử dụng các phương tiện hỗ trợ trong giao tiếp kinh doanh; cách thức chuẩn bị, viết báo cáo và trình bày báo cáo kinh doanh; cách thức chuẩn bị các buổi phỏng vấn, chuẩn bị sơ yếu lý lịch và thư xin việc.

001374 Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng thực tiễn của nó như khái niệm và bản chất, vai trò, chức năng của nhà quản trị, môi trường quản trị, quá trình phát triển của các học thuyết quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin, ra quyết định, quản trị đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội.

000275 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên lý luận về văn hóa học đại cương, các quan điểm và phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. Thông qua các thành tố văn hóa, không gian, thời gian văn hóa, người học hiểu

được bản sắc văn hóa Việt Nam. Môn học này góp phần tạo cho sinh viên một bản lĩnh văn hóa dân tộc trong quá trình học tập và tiếp xúc với văn hóa của ngoại ngữ được học.

001731 Tiếng Việt thực hành: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Củng cố và phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ ở mức độ cao (kỹ năng ghi chép bài giảng, bài nói, kỹ năng tóm tắt, kỹ năng tổng thuật qua nghe hoặc đọc văn bản...). Môn học này cung cấp những tri thức cơ bản và hiện đại về tiếng Việt làm cơ sở để đối chiếu ngôn ngữ.

001294 Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và hiểu biết cơ bản như: quy định pháp luật của Việt Nam liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, địa vị pháp lý của các doanh nghiệp, hành vi, phương thức thực hiện và các chế tài với hành vi kinh doanh, quy định về sử dụng lao động trong kinh doanh, các quy định về hợp đồng kinh tế, tranh chấp kinh tế và giải quyết các tranh chấp kinh tế trong hoạt động kinh doanh, phá sản doanh nghiệp.

000047 Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn THPT)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, các kỹ năng giao tiếp thông dụng cùng với vốn từ vựng cần thiết cho giao tiếp và kinh doanh.

000048 Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Các học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể tiếp thu dễ dàng những bài học ở cấp độ cao hơn. Những kiến thức cơ bản đó gồm: Ngữ âm học, ngữ âm ứng dụng, âm vị học và các cấu trúc ngữ pháp cơ bản. Yêu cầu đạt được trình độ trung cấp (intermediate level).

001795 TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

001796 TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần tiên quyết (Luyện thi TOEIC 1)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất về tiếng Anh làm nền tảng vững chắc giúp sinh viên có thể dễ dàng tiếp thu những bài học ở cấp độ cao hơn.

001760 Tin học văn phòng – Thực hành: 2 (0, 60, 30)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cắm ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

000592 Giáo dục thể chất 1: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000593 Giáo dục thể chất 2: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000594 Giáo dục thể chất 3: 30 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

000585 Giáo dục quốc phòng: 135 tiết

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: nội dung ban hành tại Quyết định số 81/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

001934 Xã hội học Hàn Quốc: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá thực địa, đánh giá dữ liệu thống kê kinh tế - Xã hội Hàn Quốc, đánh giá thái độ và hành vi cá nhân và nhóm xã hội, đánh giá thị trường và nhu cầu xã hội Hàn Quốc.

001935 Xã hội học đại cương: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá thực địa, đánh giá dữ liệu thống kê kinh tế - Xã hội, đánh giá thái độ và hành vi cá nhân và nhóm xã hội, đánh giá thị trường và nhu cầu xã hội.

000830 Kinh tế Hàn Quốc: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về lịch sử kinh tế Hàn Quốc qua các thời kỳ phát triển. Môn học cung cấp những kiến thức về phân tích và lý giải được các đặc điểm kinh tế theo xu hướng phát triển của lịch sử đặc biệt là thời kỳ phát triển kinh tế thời hiện đại, cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về lịch sử kinh tế

Hàn Quốc và tập trung tìm hiểu kinh tế Hàn Quốc thời hiện đại để lý giải được đặc trưng kinh tế của từng thời kỳ.

001853 Văn hóa hàn quốc: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Cung cấp kiến thức chung về lịch sử, đất nước, con người Hàn Quốc và những cơ chế xã hội để tạo nên nét đặc thù nhằm phát họa những đặc điểm của nền văn minh Hàn Quốc. Tạo cho sinh viên thói quen tìm tài liệu, tư duy độc lập, phán đoán và trình bày về văn hoá Hàn Quốc. Giúp sinh viên phát triển và nâng cao phương pháp phân tích, giải thích những đặc điểm văn hóa Hàn Quốc và qua đó sinh viên sẽ có động cơ và kiến thức để đối chiếu với xã hội Việt Nam.

032034 Lý thuyết biên phiên dịch tiếng Hàn: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp các thuật ngữ cần thiết để sinh viên tập dịch các loại chủ đề thuộc lĩnh vực văn hóa-xã hội kinh tế, các bản tin trên đài phát thanh cũng như các bài báo đang lưu hành trong nước. Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng trong ngành thương mại, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Hàn trong kinh doanh, đồng thời cung cấp cho sinh viên một số nghiệp vụ ngoại thương cơ bản cũng như các xử lý các loại thư tín, thủ tục trong thương mại. Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản thỏa thuận và hợp đồng quốc tế liên quan đến thương mại. Về bài tập, sinh viên phải hoàn thành các bài tập cơ bản làm cơ sở cho việc tiếp thu bài giảng, củng cố kiến thức và trao dồi khả năng xử lý các tình huống trong quản lý. Vì vậy bắt buộc sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập trong học phần. Đây là một tiêu chí để đánh giá, xem xét tư cách dự thi kết thúc học phần.

001752 Tin học ứng dụng phần mềm tiếng Hàn: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng – Thực hành)

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên cách sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản để làm việc trên máy tính bằng tiếng Hàn.

001168 Ngữ pháp tiếng Hàn 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: Không

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ pháp và cú pháp trong tiếng Hàn giúp sinh viên nắm bắt tiếng Hàn một cách có hệ thống và khoa học hơn. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp vào kỹ năng dịch. Về từ pháp: các loại từ chính trong tiếng Hàn, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, trợ từ, trợ động từ và cách sử dụng những loại từ đó. Về cú pháp: các thành phần chính của câu như: chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ…; các dạng phân loại câu trong tiếng Hàn như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc…

001169 Ngữ pháp tiếng Hàn 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói 3, Đọc 3, Viết 3)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ pháp và cú pháp trong tiếng Hàn giúp sinh viên nắm bắt tiếng Hàn một cách có hệ thống và khoa học hơn.

Vận dụng những kiến thức ngữ pháp vào kỹ năng dịch. Về từ pháp: các loại từ chính trong tiếng Hàn, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, trợ từ, trợ động từ và cách sử dụng những loại từ đó. Về cú pháp: các thành phần chính của câu như: chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ…; các dạng phân loại câu trong tiếng Hàn như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc…

001170 Ngữ pháp tiếng Hàn 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói 3, Đọc 3, Viết 3)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ pháp và cú pháp trong tiếng Hàn giúp sinh viên nắm bắt tiếng Hàn một cách có hệ thống và khoa học hơn. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp vào kỹ năng dịch. Về từ pháp: các loại từ chính trong tiếng Hàn, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, trợ từ, trợ động từ và cách sử dụng những loại từ đó. Về cú pháp: các thành phần chính của câu như: chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ…; các dạng phân loại câu trong tiếng Hàn như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc…

001171 Ngữ pháp tiếng Hàn 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói 3, Đọc 3, Viết 3)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ pháp và cú pháp trong tiếng Hàn giúp sinh viên nắm bắt tiếng Hàn một cách có hệ thống và khoa học hơn. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp vào kỹ năng dịch. Về từ pháp: các loại từ chính trong tiếng Hàn, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, trợ từ, trợ động từ và cách sử dụng những loại từ đó. Về cú pháp: các thành phần chính của câu như: chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ…; các dạng phân loại câu trong tiếng Hàn như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc…

001172 Ngữ pháp tiếng Hàn 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói 3, Đọc 3, Viết 3)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ pháp và cú pháp trong tiếng Hàn giúp sinh viên nắm bắt tiếng Hàn một cách có hệ thống và khoa học hơn. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp vào kỹ năng dịch. Về từ pháp: các loại từ chính trong tiếng Hàn, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, trợ từ, trợ động từ và cách sử dụng những loại từ đó. Về cú pháp: các thành phần chính của câu như: chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ…; các dạng phân loại câu trong tiếng Hàn như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc…

001173 Ngữ pháp tiếng Hàn 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói 3, Đọc 3, Viết 3)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ pháp và cú pháp trong tiếng Hàn giúp sinh viên nắm bắt tiếng Hàn một cách có hệ thống và khoa học hơn. Vận dụng những kiến thức ngữ pháp vào kỹ năng dịch. Về từ pháp: các loại từ chính trong tiếng Hàn, các loại từ như danh từ, động từ, hình dung từ, hình dung động từ, trợ từ, trợ động từ và cách sử dụng những loại từ đó. Về cú pháp: các thành phần chính của câu như: chủ ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ, đề ngữ…; các dạng phân loại câu trong tiếng Hàn như phân loại theo mục đích phát ngôn, phân loại theo cấu trúc…

000516 Đọc 1: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp lý thuyết và luyện tập cho sinh viên các kỹ năng đọc, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc hiểu khác nhau như đọc lấy thông tin, đọc lấy ý chính, tiên đoán, suy diễn, hiểu bố cục bài đọc, xử lý từ mới, đánh giá bài đọc, thưởng thức văn phong của tác giả. Các bài tập được thiết kế nhằm giúp sinh viên gia tăng vốn từ vựng và cấu trúc phức tạp của tiếng Hàn, áp dụng vào việc đọc hiểu và ghi chú các sách tham khảo.

000517 Đọc tiếng Hàn 2: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc tiếng Hàn 1)

Nội dung: Cung cấp lý thuyết và luyện tập cho sinh viên các kỹ năng đọc, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc hiểu khác nhau như đọc lấy thông tin, đọc lấy ý chính, tiên đoán, suy diễn, hiểu bố cục bài đọc, xử lý từ mới, đánh giá bài đọc, thưởng thức văn phong của tác giả. Các bài tập được thiết kế nhằm giúp sinh viên gia tăng vốn từ vựng và cấu trúc phức tạp của tiếng Hàn, áp dụng vào việc đọc hiểu và ghi chú các sách tham khảo.

000518 Đọc tiếng Hàn 3: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Đọc tiếng Hàn 2)

Nội dung: Cung cấp lý thuyết và luyện tập cho sinh viên các kỹ năng đọc, giúp sinh viên phát triển các kỹ năng đọc hiểu khác nhau như đọc lấy thông tin, đọc lấy ý chính, tiên đoán, suy diễn, hiểu bố cục bài đọc, xử lý từ mới, đánh giá bài đọc, thưởng thức văn phong của tác giả. Các bài tập được thiết kế nhằm giúp sinh viên gia tăng vốn từ vựng và cấu trúc phức tạp của tiếng Hàn, áp dụng vào việc đọc hiểu và ghi chú các sách tham khảo.

001080 Nghe nói tiếng Hàn 1: 3 (30, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Chương trình dạy kết hợp 2 môn Nghe và Nói bao gồm 6 cấp độ, nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng và thực hành nghe nói từ cơ bản đến nâng cao với các chủ đề gần gũi với cuộc sống. Môn học này còn giúp cho sinh viên luyện tập các phương pháp học nghe và nói làm cơ sở cho việc học các chuyên ngành và tự học trong tương lai. Các bài học được thiết kế dựa trên hình thức giao tiếp đòi hỏi sự tương tác cao giữa người học với nhau (cặp và theo nhóm). Hoạt động nói phong phú, được xây dựng với mức độ khó tăng dần và phù hợp với trình độ trung cấp như: đối thoại theo tình huống gợi ý cụ thể, thảo luận nhóm và thuyết trình ngắn, tả theo tranh v.v…

001081 Nghe nói tiếng Hàn 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói tiếng Hàn 1)

Nội dung: Chương trình dạy kết hợp 2 môn Nghe và Nói bao gồm 6 cấp độ, nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng và thực hành nghe nói từ cơ bản đến nâng cao với các chủ đề gần gũi với cuộc. Môn học này còn giúp cho sinh viên luyện tập các phương pháp học nghe và nói làm cơ sở cho việc học các chuyên ngành và tự học trong tương lai. Các bài học được thiết kế dựa trên hình thức giao tiếp đòi hỏi sự tương tác cao giữa người học với nhau (cặp và theo nhóm). Hoạt động nói phong phú, được

xây dựng với mức độ khó tăng dần và phù hợp với trình độ trung cấp như: đối thoại theo tình huống gợi ý cụ thể, thảo luận nhóm và thuyết trình ngắn, tả theo tranh v.v…

001082 Nghe nói tiếng Hàn 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói tiếng Hàn 2)

Nội dung: Chương trình dạy kết hợp 2 môn Nghe và Nói bao gồm 6 cấp độ, nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng và thực hành nghe nói từ cơ bản đến nâng cao với các chủ đề gần gũi với cuộc sống. Môn học này còn giúp cho sinh viên luyện tập các phương pháp học nghe và nói làm cơ sở cho việc học các chuyên ngành và tự học trong tương lai. Các bài học được thiết kế dựa trên hình thức giao tiếp đòi hỏi sự tương tác cao giữa người học với nhau (cặp và theo nhóm). Hoạt động nói phong phú, được xây dựng với mức độ khó tăng dần và phù hợp với trình độ trung cấp như: đối thoại theo tình huống gợi ý cụ thể, thảo luận nhóm và thuyết trình ngắn, tả theo tranh v.v…

001083 Nghe nói tiếng Hàn 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói tiếng Hàn 3)

Nội dung: Chương trình dạy kết hợp 2 môn Nghe và Nói bao gồm 6 cấp độ, nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng và thực hành nghe nói từ cơ bản đến nâng cao với các chủ đề gần gũi với cuộc. Môn học này còn giúp cho sinh viên luyện tập các phương pháp học nghe và nói làm cơ sở cho việc học các chuyên ngành và tự học trong tương lai. Các bài học được thiết kế dựa trên hình thức giao tiếp đòi hỏi sự tương tác cao giữa người học với nhau (cặp và theo nhóm). Hoạt động nói phong phú, được xây dựng với mức độ khó tăng dần và phù hợp với trình độ trung cấp như: đối thoại theo tình huống gợi ý cụ thể, thảo luận nhóm và thuyết trình ngắn, tả theo tranh v.v…

001084 Nghe nói tiếng Hàn 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nghe nói tiếng Hàn 4)

Nội dung: Chương trình dạy kết hợp 2 môn Nghe và Nói bao gồm 6 cấp độ, nhằm cung cấp cho người học những kỹ năng và thực hành nghe nói từ cơ bản đến nâng cao với các chủ đề gần gũi với cuộc sống. Môn học này còn giúp cho sinh viên luyện tập các phương pháp học nghe và nói làm cơ sở cho việc học các chuyên ngành và tự học trong tương lai. Các bài học được thiết kế dựa trên hình thức giao tiếp đòi hỏi sự tương tác cao giữa người học với nhau (cặp và theo nhóm). Hoạt động nói phong phú, được xây dựng với mức độ khó tăng dần và phù hợp với trình độ trung cấp như: đối thoại theo tình huống gợi ý cụ thể, thảo luận nhóm và thuyết trình ngắn, tả theo tranh v.v…

001916 Viết tiếng Hàn 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về môn viết để sinh viên có khả năng viết nhằm trao đổi thông tin, tường thuật các sự kiện nhằm truyền đạt ý nghĩ của mình dưới dạng câu đơn, câu kép, câu phức và câu kép và nhằm trang bị kiến thức phục vụ cho việc viết đoạn văn và bài luận ở những phần học sau.

001917 Viết tiếng Hàn 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Viết tiếng Hàn 1)

Nội dung: Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về môn viết để sinh viên có khả năng viết nhằm trao đổi thông tin, tường thuật các sự kiện nhằm truyền đạt ý nghĩ của mình dưới dạng câu đơn, câu kép, câu phức và câu kép và nhằm trang bị kiến thức phục vụ cho việc viết đoạn văn và bài luận ở những phần học sau.

000080 Biên – phiên dịch tiếng Hàn: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp các thuật ngữ cần thiết để sinh viên tập dịch các loại chủ đề thuộc lĩnh vực văn hóa-xã hội kinh tế, các bản tin trên đài phát thanh cũng như các bài báo đang lưu hành trong nước. Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng trong ngành thương mại, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Hàn trong kinh doanh, đồng thời cung cấp cho sinh viên một số nghiệp vụ ngoại thương cơ bản cũng như các xử lý các loại thư tín, thủ tục trong thương mại. Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc dịch các văn bản, tài liệu cho các hội nghị, các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành, các văn bản thỏa thuận và hợp đồng quốc tế liên quan đến thương mại. Về bài tập, sinh viên phải hoàn thành các bài tập cơ bản làm cơ sở cho việc tiếp thu bài giảng, củng cố kiến thức và trao dồi khả năng xử lý các tình huống trong quản lý. Vì vậy bắt buộc sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập trong học phần. Đây là một tiêu chí để đánh giá, xem xét tư cách dự thi kết thúc học phần

001150 Nghiệp vụ thư ký bằng tiếng Hàn: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết:không

Nội dung: Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc biên-phiên dịch các văn bản, báo cáo, tài liệu chứa đựng các thông tin liên quan đến nghiệp vụ thư ký. Về bài tập, sinh viên phải hoàn thành các bài tập cơ bản làm cơ sở cho việc tiếp thu bài giảng, củng cố kiến thức và trao dồi khả năng xử lý các tình huống trong quản lý. Vì vậy bắt buộc sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập trong học phần. Đây là một tiêu chí để đánh giá, xem xét tư cách dự thi kết thúc học phần.

000688 Hướng dẫn viên du lịch bằng tiếng Hàn: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc biên-phiên dịch chứa đựng các thông tin liên quan đến nghiệp vụ du lịch bằng tiếng Hàn. Về bài tập, sinh viên phải hoàn thành các bài tập cơ bản làm cơ sở cho việc tiếp thu bài giảng, củng cố kiến thức và trao dồi khả năng xử lý các tình huống trong quản lý. Vì vậy bắt buộc sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập trong học phần. Đây là một tiêu chí để đánh giá, xem xét tư cách dự thi kết thúc học phần.

001132 Tiếng hàn trong nghiệp vụ bất động sản: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết:không

Nội dung: Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc biên-phiên dịch chứa đựng các thông tin liên quan đến nghiệp vụ bất động sản. Về bài tập, sinh viên phải hoàn thành các bài tập cơ bản làm cơ sở cho việc tiếp thu bài giảng, củng cố kiến thức và trao dồi khả năng xử lý các tình huống trong quản lý. Vì vậy bắt buộc sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập trong học phần. Đây là một tiêu chí để đánh giá, xem xét tư cách dự thi kết thúc học phần.

001149 Tiếng hàn trong nghiệp vụ quản lý nhà hàng: 2 (15, 30, 45)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp những thuật ngữ và kiến thức để sinh viên đảm trách việc biên-phiên dịch chứa đựng các thông tin liên quan đến nghiệp vụ quản lý nhà hàng. Về bài tập, sinh viên phải hoàn thành các bài tập cơ bản làm cơ sở cho việc tiếp thu bài giảng, củng cố kiến thức và trao dồi khả năng xử lý các tình huống trong quản lý. Vì vậy bắt buộc sinh viên phải hoàn thành hệ thống bài tập trong học phần. Đây là một tiêu chí để đánh giá, xem xét tư cách dự thi kết thúc học phần.

001672Thực tập cuối khóa: 6 (0, 360)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Sau khi hoàn tất học phần Đọc 4, Viết 4, sinh viên sẽ thực tập tại các công ty trong thời gian 6 tuần.

000761Khóa Luận tốt nghiệp: 5

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Tạo điều kiện cho sinh viên có điều kiện và cơ hội nâng cao các khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học.

KT.HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐT	TRƯỞNG KHOA
TS. Trần Ái Cầm	ThS. Nguyễn Lan Phương	TS Nguyễn Phú Thọ